

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 428/2025/DS-PT

Ngày: 09-8-2025

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Hạnh.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Thọ.

Ông Phạm Tiến Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Chúc - Thẩm tra viên Tòa án, Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ: Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên trung cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 09 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 131/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 396/2025/TLPT-DS ngày 16 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Bà Đỗ Thị C, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Ấp H, xã X, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã X, thành phố Cần Thơ.

1.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Nay là xã H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Ông Lê Bình D, có mặt.

Địa chỉ: ấp E, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang. Nay là Phường L, thành phố Cần Thơ.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Dương Văn M, sinh năm 1970,

2.2. Bà Võ Thị T1, sinh năm 1971,

Cùng địa chỉ: ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã X, thành phố Cần Thơ, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Văn S

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nay là xã X, thành phố Cần Thơ.

4. Người kháng cáo: Bà Võ Thị T1 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ông Lê Bình D là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Đỗ Thị C và ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày 24/11/2013, vợ chồng ông Dương Văn M và bà Võ Thị T1 có hỏi vay tiền của ông Võ Văn S, do vợ chồng ông M, bà T1 không đủ uy tín để ông S cho vay nên bà C và ông T có đứng ra chứng kiến và bảo lãnh số tiền vay này. Tổng số tiền mà ông S cho vợ chồng ông M, bà T1 vay là 50.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm biên nhận, vợ chồng bà C có chứng kiến sự việc vay nợ, lãi suất hai bên thỏa thuận mỗi tháng vợ chồng ông M, bà T1 đóng 1.500.000 đồng, nhưng không có ghi vào biên nhận. Sau khi vay xong vợ chồng ông M, bà T1 không đóng lãi và trả vốn cho ông S, nên ngày 27/02/2018 vợ chồng bà C đã đóng lãi và trả vốn cho ông S thay cho vợ chồng ông M, bà T1 cụ thể: Vốn 50.000.000 đồng + lãi 34.500.000 đồng. Tổng số tiền đã trả là 84.500.000 đồng. Khi vợ chồng bà C trả tiền xong ông S có làm giấy xác nhận đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ đối với vợ chồng bà C.

Tiếp tục vào khoảng năm 2016 vợ chồng ông M, bà T1 có hỏi vay tiền của vợ chồng bà C nhiều lần cụ thể: Lần 01 vay 933.630.000 đồng, lần 02 vay 120.000.000 đồng và lần 3 vay 34.720.000 đồng. Tổng cộng 03 lần vay với số tiền là 1.088.350.000 đồng.

Sau khi vợ chồng ông M, bà T1 vay tiền của vợ chồng bà C xong, thì vợ chồng ông M, bà T1 xuất cảnh đi Hàn Quốc, trước khi đi vợ chồng ông M, bà T1 có hứa đi làm kiếm tiền về trả nợ cho vợ chồng bà C. Tuy nhiên, khoảng 7,8 tháng sau vợ chồng ông M, bà T1 về nước thì vợ chồng bà C có gặp vợ chồng ông M, bà T1 nhắc nhở việc trả nợ thì ông bà hứa hẹn kéo dài, thấy vậy vợ chồng bà C chốt nợ với bà T1 vào ngày 22/11/2016 (al) với tổng số tiền là 1.088.350.000 đồng và có làm biên nhận nợ có bà T1 ký tên, và hứa mỗi tháng trả cho vợ chồng bà C 50.000.000 đồng. Nhưng từ đó đến nay vợ chồng ông M, bà T1 cố tình không trả, còn thách thức vợ chồng bà C kiện ra pháp luật.

Nay ông D được vợ chồng ông T và bà C ủy quyền để yêu cầu vợ chồng ông M, bà T1 trả số tiền vay tổng cộng 1.956.462.000 đồng, cụ thể như sau:

- Số tiền trả thay cho ông Võ Văn S là 84.500.000 đồng (trong đó vốn 50.000.000 đồng + lãi 34.500.000 đồng), không yêu cầu tính lãi.

- Số tiền vay vốn số tiền 1.088.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 22/11/2016 (al) nhằm ngày 20/12/2016 (dl) đến ngày Tòa án thụ lý vụ án ngày 20/06/2024 với tổng số tiền lãi là 783.612.000 đồng.

Bị đơn bà Võ Thị T1 (gọi tắt là bà T1) trình bày: Bà T1 không thừa nhận lời trình bày của ông D là đại diện ủy quyền của bà C và ông T.

Bà cho rằng vào năm 2013, vợ chồng bà đi ghe lúa bị chìm nên gặp khó khăn về kinh tế. Khi đó vợ chồng bà có nhờ vợ chồng ông T và bà C vay của ông S số tiền 50.000.000 đồng, với lãi suất là 1.500.000 đồng/50.000.000 đồng/tháng (tương đương 3%/tháng), khi vay vợ chồng bà có viết biên nhận cho ông T với

nội dung “có số nhận tiền của anh S là 50.000.000đ” và bà ký tên của chồng bà là ông M, biên nhận đề ngày 24/11/2013. Sau khi vay bà đóng lãi hàng tháng cho ông T đến khoảng năm 2015 thì ngưng đóng. Khi đóng lãi không có làm biên nhận. Năm 2016, vợ chồng bà đi lao động ở nước ngoài có dành dụm được một số tiền, nên cuối năm 2016 bà có chuyển tiền về 02 lần với số tiền 40.000.000 đồng để cho con trai là Dương Hoàng L mang đến trả cho vợ chồng ông T, để ông T trả cho ông S. Khi con của bà giao tiền cho gia đình ông T cũng không có làm biên nhận. Do số tiền vợ chồng bà vay của ông S là 50.000.000 đồng nên vợ chồng ông T có nói sẽ cho vợ chồng bà mượn thêm 10.000.000 đồng nữa để trả dứt nợ cho ông S và lấy biên nhận về. Do đó, số tiền này vợ chồng bà còn nợ của ông T và bà C là 10.000.000 đồng.

Ngoài ra, vợ chồng bà còn vay nợ của vợ chồng ông T và bà C nhiều lần, ngày 01/01/2017 âm lịch ông T có viết cho bà tờ giấy chốt các khoản nợ sau:

- Ngày 21/11/2016 al, có vay của vợ chồng ông T và bà C số tiền 120.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi và thời hạn trả.

- Ngày 01/01/2017 al, có vay tiền tháng của vợ chồng ông T và bà C số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất là 4.250.000 đồng/150.000.000 đồng/tháng.

- Cùng ngày 01/01/2017 al, có vay tiền ngày của vợ chồng ông T và bà C số tiền 280.000.000đồng, lãi suất là 15.680.000đồng/280.000.000 đồng/tháng.

Tổng số tiền vợ chồng bà T1 đã vay của ông T và bà C là 550.000.000 đồng và 10.000.000 đồng của ông S, tổng cộng số tiền còn nợ là 560.000.000 đồng. Khoảng năm 2017, vợ chồng bà có trả được số tiền 20.000.000 đồng, năm 2021 trả tiếp số tiền 50.000.000 đồng, tổng cộng 02 lần được 70.000.000 đồng. Các lần trả tiền không có làm biên nhận. Tính đến hiện tại vợ chồng bà chỉ còn nợ ông T và bà C 490.000.000 đồng.

Đối với biên nhận nợ ngày 22/11/2016 al do vợ chồng bà C cung cấp về số tiền nợ 1.088.350.000 đồng thì bà thừa nhận bà có ký tên trong biên nhận ngày 22/11/2016 (al), nhưng số tiền đó là bao gồm các khoản tiền vốn như trên và lãi cộng lại và lúc chốt biên nhận này vợ chồng ông T hứa là không tính lãi nữa, cho vợ chồng bà trả dần.

Nay vợ chồng ông T, bà C khởi kiện yêu cầu vợ chồng bà trả số tiền 1.956.462.000 đồng thì bà không đồng ý, bà chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn là 490.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi vì vợ chồng bà hiện không có khả năng.

Bị đơn ông Dương Văn M (gọi tắt là ông M) trình bày: Ông thống nhất với lời khai của vợ là bà Võ Thị T1 về số tiền nợ của vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Đỗ Thị C.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông Lê Bình D là đại diện ủy quyền của nguyên đơn xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền nợ của ông S là 84.500.000 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 1.088.350.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 20/12/2016 đến ngày khởi kiện 20/6/2024 là 92 tháng với số tiền lãi là 783.621.000 đồng, ông D đồng ý khấu trừ lại 70.000.000 đồng nguyên đơn đã trả.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Võ Thị T1 đồng thời là đại diện ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn M không đồng ý trả số tiền nợ theo yêu cầu của nguyên đơn, chỉ đồng ý trả số tiền gốc còn nợ 490.000.000 đồng, xin không trả lãi và xin trả dần nhiều lần vì gia đình hiện rất khó khăn.

Tại bản án sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ tuyên xử như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị C đối với bị đơn ông Dương Văn M và bà Võ Thị T1 về hợp đồng vay tài sản.

Buộc bị đơn ông Dương Văn M và bà Võ Thị T1 có trách nhiệm trả cho nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị C số tiền 1.752.986.250 đồng (Một tỉ bảy trăm năm mươi hai triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng). Trong đó vốn 1.018.350.000 đồng (Một tỉ không trăm mười tám triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng) và lãi là 734.636.250 đồng (Bảy trăm ba mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Đỗ Thị C đối với bị đơn ông Dương Văn M và bà Võ Thị T1 về hợp đồng vay tài sản đối với số tiền 84.500.000 đồng (tám mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 02/2025/QĐ-BPKCTT ngày 06/2/2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang bằng hình thức “Cấm xuất cảnh đối với người có nghĩa vụ” là bà Võ Thị T1 để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07 tháng 3 năm 2025, bị đơn bà Võ Thị T1 có đơn kháng cáo đối với bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết theo hướng sửa án sơ thẩm không tính lãi trên số tiền nợ gốc 1.088.350.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ phát biểu quan điểm từ giai đoạn thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tiến hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn bà Võ Thị T1 kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Đối với kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bị đơn bà Võ Thị T1 thừa nhận vợ chồng bà có ký nhận nợ với vợ chồng ông T, bà C số tiền nợ vốn là 1.088.350.000 đồng, tuy nhiên do hoàn cảnh gia đình làm ăn thất bại, hiện tại gặp khó khăn nên yêu cầu không xem xét tính lãi.

Xét thấy, qua đối chiếu chứng cứ biên nhận nợ và sự thừa nhận của bị đơn, Hội đồng xét thấy căn cứ biên nhận ngày 22/11/2016 âm lịch, do nguyên đơn cung cấp được bị đơn thừa nhận có ký xác nhận nợ, các bên đều thừa nhận nguyên đơn cho bị đơn vay có lãi, bị đơn hứa hàng tháng gửi tiền về cho ông T, bà C số tiền 50.000.000 đồng, nhưng bị đơn không thực hiện, do vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lãi theo quy định tại Điều 2 và Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TANDTC hướng dẫn quy định về lãi, lãi suất. Như vậy, mức lãi suất 0.75%/tháng được tính bằng mức lãi suất cơ bản 9%/năm là phù hợp, thời gian tính từ tháng tiếp theo của cam kết là ngày 22/12/2016 đến ngày nguyên đơn khởi kiện là ngày 17/6/2024 là 90 tháng, nguyên đơn không yêu cầu tính lãi đến ngày xét xử sơ thẩm là đã có lợi cho bị đơn.

Xét thấy, bị đơn cho rằng khi chốt nợ 1.088.350.000 đồng, phía nguyên đơn nói không tính lãi nữa, nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh và không được phía nguyên đơn đồng ý, nên không có căn cứ xem xét xho bị đơn.

Từ những nhận định trên, xét kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị T1 là không có căn cứ chấp nhận, chấp nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[3]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định là 300.000đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp thành án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 476 Bộ luật dân sự 2005;

Điều 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự 2015;

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Võ Thị Thu

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 34/2025/DS-ST ngày 27/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Hậu Giang. Nay là Tòa án nhân dân KV, thành phố Cần Thơ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị T1 phải chịu 300.000đồng, chuyển 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0010525 ngày 07/3/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện L (nay là phòng thi hành án dân sự KV, thành phố Cần Thơ) thành án phí.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 09 tháng 8 năm 2025.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- Tòa án nhân dân KV – Cần Thơ;
- Phòng THADS KV – Cần Thơ;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Thị Bích Hạnh